

Tìm về cội nguồn văn minh Việt



Lê Quế

Mở đầu

Đã từng tồn tại một xu hướng cho rằng người Việt chỉ là một nhánh người Hoa ly khai. Văn hóa Việt chỉ là một biến thể của Văn hóa Trung Hoa. Người Việt không có nền văn hóa của riêng mình.

Lại có xu hướng cho rằng mặc dù người Việt và người Hoa có nhiều nét văn hóa tương đồng, nhưng họ không phải là một, mỗi dân tộc đều có bản sắc riêng. Thực tế cho thấy dân tộc Việt sau một ngàn năm bị đô hộ vẫn giữ được bản sắc riêng của mình. Điều gì làm nên bản sắc đó? Chắc chắn điều đó phải sâu sắc lắm và đã trở thành tiềm thức chung của cả cộng đồng người Việt trước khi bị đô hộ thì mới có sức sống mạnh mẽ, trường tồn như vậy.

Đề tài này đã được nhiều tác giả quan tâm tìm hiểu, chủ yếu theo phương pháp luận của người Trung Hoa cổ. Kết quả, họ vẫn quanh quẩn trong vùng đổ bóng của nền văn hóa Trung Hoa.

Chúng tôi sử dụng những tư liệu thuần Việt cùng lối suy luận logic để tìm hiểu vấn đề và đã may mắn nhận ra rằng, Người Việt cổ đã có nền văn minh của riêng mình. Nền văn minh Việt cổ đã được hình thành và nuôi dưỡng bởi 2 thuyết bản địa gồm: Thuyết Sáng tạo và Thuyết Âm Dương Ngũ hành. Hai thuyết này như những mạch ngầm vẫn chảy trong tư duy của cộng đồng người Việt suốt hàng ngàn năm qua.

Hiện thời, cả 2 thuyết của người Việt đang bị khuất lấp bởi 2 thuyết cùng tên của người Hoa. Thuyết Việt bị thất truyền. Thuyết Hoa thiên kinh vạn quyển. Thực tế đó đã tạo ra sự nhầm lẫn cho hậu thế.

I. HAI BÀ NỮ OA – HAI THUYẾT SÁNG TẠO

Bà Nữ Oa và ông Trọng- Thuyết Sáng tạo của người Việt

Một trong những tư liệu chúng ta sẽ sử dụng là tranh đá Sa Pa.

Bãi đá cổ Sa Pa có gần 200 khối đá có hình khắc. Nguồn gốc và nội dung những hình khắc đó đang được nhiều người quan tâm. Có ý kiến dựa vào cư dân đang sinh sống ở đó và cho rằng, người H'Mông là tác giả. Nhưng cách hiểu này thiếu cơ sở vì những hình khắc đó có tuổi đã hàng ngàn năm, còn người H'Mông mới di cư đến Sa Pa khoảng 300 năm trước.

Về nội dung, những hình khắc đó nói lên điều gì? Là trước bạ địa bàn cư trú của một dòng tộc? Là một bộ sách đá không lồ được khắc bằng văn tự cổ? Hay là những gì nữa?

Tìm hiểu riêng trên tranh đá thì sẽ rất khó đoán định nguồn gốc và nội dung của chúng.

Nhưng nếu kết hợp với những tư liệu khác còn sót lại trong dân gian, thì sẽ thấy tranh đá và các tư liệu đó đã được sáng tác theo cùng một mạch tư duy. Tranh đá Sa Pa là một bộ sách ghi chép “Thuyết Sáng tạo của người Việt cổ”.



Hình A là ảnh chụp một mảnh trích từ những hình khắc trên đá cổ Sa Pa. Hai người con có nét khắc hơi mờ, phải quan sát thật kỹ mới nhận thấy.

Hình B cũng là mảnh trích đó, được chúng tôi gắn thêm các chữ số và tô rõ 2 người con để dễ quan sát.

Bức tranh đá được vẽ bằng những nét tối giản với phong cách tả thực nên dễ nhận thấy nội dung của nó có sự tương đồng với nội dung những tư liệu khác còn được lưu giữ ở nhiều nơi trong dân gian Việt Nam như: những câu chuyện truyền miệng, những bức tranh dân gian, các đồ dùng gia đình, tục thờ cúng, lễ hội... Sự tương đồng trong đa dạng đó chứng

tỏ có một mạch ngầm tư tưởng thống nhất, chỉ phối tư duy của người Việt mà các tư liệu rải rác đó là những điểm phát lộ. Đó là mạch ngầm tư duy Việt.



B Tranh đá cổ Sa Pa - Nguồn ảnh Google

Người Việt thường kể với nhau những câu chuyện vui về ông Tượng và bà Nữ Oa, trong đó có một câu ca dao nói về bộ phận sinh dục to lớn khác thường của 2 vị: “Lòn bà Nữ Oa bằng ba mẫu ruộng. Buồi ông Tượng bắc cầu qua sông”. (Người Việt xưa thường gọi thẳng tên bộ phận sinh dục tự nhiên như gọi những bộ phận khác.)

Ta thấy hình khắc trên bức tranh đá Sa Pa tương đồng tuyệt đối với miêu tả trong câu ca dao. Ông Tượng có cái b... rất dài (1) và bà Nữ Oa có cái l... rất to (2).

Người ta thường giải thích rằng, ông Tượng và bà nữ Oa là 2 vị thần trên Thượng giới phạm tội dâm ô, bị đày xuống trần gian. Họ lấy nhau và sinh ra loài người. Tuy nhiên tranh đá đã bác bỏ lời giải thích đó:

-Thứ nhất, ông Tượng nằm bên kia sông, đưa cái b... sang bên này sông giao phối với bà Nữ Oa. (Ở đây có một chi tiết đảm nhiệm 2 chức năng, đó là dòng sông ngăn giữa ông Tượng và bà Nữ Oa cũng là một thân cây. Chúng ta sẽ tìm hiểu sau.)

-Thứ hai, khi đã đậu thai, cái bụng đã to lên, bà Nữ Oa cầm một chiếc gậy vục mạnh vào b... ông Tượng. Tranh vẽ 3 vệt phía sau hướng vục của đầu gậy, đồng thời chỗ b... ông Tượng ở phía trước đầu gậy bị cong hẳn đi, chứng tỏ bà vục rất mạnh. Ông Tượng đau quá, phải cuộn b... lại. Bằng chi tiết kịch tính này, họa sĩ đã thể hiện họ không phải dâm thần. Họ là hai vị “Thần Sinh sản” được phái xuống trần gian thực hiện một sứ mệnh rất nghiêm túc, rất thiêng liêng là sinh ra loài người.

Bà Nữ Oa sinh ra 2 người con nằm 2 bên (3). Nhưng cái bụng của bà hãy còn to, hình như bà sẽ còn sinh tiếp nữa.

Hai người con của bà Nữ Oa lớn lên, rời khỏi mẹ (4).

Họ khai khẩn ruộng nương, dựng nhà, tạo lập cuộc sống ở trần gian (5). Họ là con của thần thánh nhưng được sinh ra tại trần gian nên trở thành 2 người trần gian đầu tiên- là thủy tổ của nhân loại.

Họ lấy nhau, sinh ra con cháu. Các con cháu của họ khai phá ruộng nương, lập nên làng xóm (6).

Đến đây, ta tin rằng:

Tranh đá cổ Sa Pa cùng những câu truyền miệng về ông Tượng và bà Nữ Oa “1... ba mẫu ruộng” chính là những dấu vết về “Thuyết Sáng tạo” của người Việt may mắn thoát được cuộc tàn sát văn hóa suốt hàng ngàn năm, còn sót lại đến ngày nay.



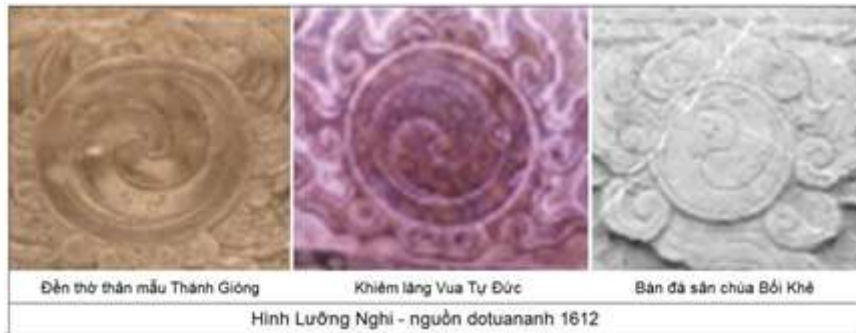
Ông Tượng và bà Nữ Oa là hai vị thần thiêng liêng, là thần giáo của người Việt cổ. Đương thời, ông Tượng và bà Nữ Oa được người Việt thờ cúng ở nhiều nơi, cầu mong gia đình được đông con nhiều cháu, gia súc đầy chuồng, mùa màng bội thu...

Câu chuyện về cái b... của ông Tượng cuộn lại như vành nong đã tạo cảm hứng cho nghệ nhân dân gian sáng tạo ra chiếc ghế dựa có tay ngai cuộn vòng. Trích lấy phần trung tâm của vòng cuộn đó, ta sẽ có đồ hình “Luống Nghi”. Như vậy Luống Nghi chính là hình ảnh thu gọn cái đầu b... của ông Tượng. Luống Nghi tượng trưng cho sự sinh sôi nảy nở, được thể hiện ở nhiều nơi:

-Trong tranh dân gian Đông Hồ, hình Luống Nghi còn gọi là “xoáy Âm Dương” thường được vẽ trên mình những con lợn giống, với ý nghĩa cầu mong gia súc đầy đàn, mùa màng bội thu.

-Cũng tranh dân gian Đông Hồ, hình Luống Nghi còn được đặt ở trung tâm vòng Bát Quái ý nói Bát Quái còn tiếp tục phát triển. Chi tiết này sẽ được bàn kỹ trong Kỳ 3 nói về “Thuyết Âm Dương Ngũ hành”.

-Trong đền thờ thân mẫu Thánh Gióng, hình Luống Nghi thể hiện rằng, Thánh Gióng là con của thần tiên.



-Trong bia Khiêm cung ký ở lăng vua Tự Đức, Lương Nghi được thể hiện như một sự bù đắp cho việc Ngài không có con.

-Tại bàn đá trên sân chùa Bối Khê, Lương Nghi lại có ý nghĩa cầu mưa. Hàng năm, chùa Bối Khê mở hội vào ngày 12 tháng giêng, trong dịp đó có lễ cầu mưa.

Thời Văn Lang, nhiều làng dựng miếu thờ ông Tượng và bà Nữ Oa. Lễ hội được gọi là lễ hội Đụ Đị thường tổ chức vào ban đêm với nghi thức hiến tế bằng việc nam nữ giao hợp trực tiếp với nhau. Năm nào làng vận động được càng nhiều cặp trai tân, gái trinh tham gia hội Đụ Đị thì năm đó làng càng gặp nhiều may mắn. Trước ngày lễ, các cụ trong ban tổ chức chia nhau đi vận động dân làng, đặc biệt là các trai tân, gái trinh tham gia.

Sau lễ hội, những cô gái sinh con đúng ngày tháng tính từ lễ hội thì được làng thưởng.

Những đứa trẻ được sinh ra do kết quả của lễ hội thì được coi là món quà may mắn thần linh ban cho làng, dù là con ngoài giá thú hay con không giống cha vẫn được xã hội và gia đình thừa nhận, không hề có sự kỳ thị.

Ngày nay ở Việt Nam, câu chuyện về bà Nữ Oa “l... ba mẫu ruộng” của người Việt chỉ còn được rất ít người kể. Thay vào đó, người ta kể về bà Nữ Oa “đội đá vá trời” của người Hoa.

Bà Nữ Oa đội đá vá trời- Thuyết Sáng tạo của người Hoa

Bà Nữ Oa đội đá vá trời là một nhân vật trong hệ thống những câu chuyện hình thành nên Thuyết Sáng tạo của người Trung Hoa.

Truyền thuyết Trung Hoa kể rằng:

Thời thái cổ, Vũ trụ như một quả trứng, bên trong là một khối hỗn mang. Linh khí trong khối hỗn mang đó tích tụ thành một bào thai, đó là bào thai thần Bàn Cổ. Sau 18.000 năm, Bàn Cổ lớn lên. Ngài dùng một chiếc rìu bẻ vỡ vỏ trứng. Khối hỗn mang bung ra tạo thành Trời và Đất, nhưng Trời và Đất còn gần nhau. Bàn Cổ hiến thân thông, vươn vai, nâng Trời lên cao 9 vạn dặm. Bàn Cổ giữ như vậy suốt 18.000 năm cho Trời rắn lại, khối sập xuống. Cuối cùng, Ngài kiệt sức và chết.

Tình tiết tiếp theo có 2 dị bản:

1. Khi thần Bàn Cổ chết, các bộ phận cơ thể Ngài biến thành mặt trời, mặt trăng, gió bão, sấm chớp và các loài cỏ cây, muông thú... nhưng chưa có con người.

2. Khi thần Bàn Cổ chết, cơ thể Ngài biến thành các vùng lãnh thổ Trung Quốc.

Sau khi Bàn Cổ chết, bà Nữ Oa là em gái, cũng là vợ của Phục Hy tiếp tục công việc khai thiên lập địa của cha.

Do các thiên binh thiên tướng đánh nhau làm bầu trời thủng một lỗ lớn. Bà Nữ Oa đã luyện đá vá trời. Rồi bà luyện đất sét, nặn ra loài người.



Đầu tiên, bà Nữ Oa nặn ra những tượng người rất đẹp theo hình mẫu của bà. Sau đó, thấy việc nặn tượng quá chậm, bà dùng một sợi dây thừng quất vào khối đất sét cho văng ra nhiều mẫu tung tóe chung quanh. Cuối cùng, bà thổi dương khí và âm khí vào các tượng và các mẫu đất đó, biến chúng thành những người nam và nữ. Khi đã có con người, Phục Hy là anh và cũng là chồng của bà Nữ Oa ban cho những người mới được tạo thành tư tưởng và văn hóa, tạo nên nền văn minh Trung Hoa.

Trong hình là thần Bàn Cổ cùng bà Nữ Oa “đội đá vá trời” và Phục Hy. Bà Nữ Oa cầm com-pa (quy 規), Phục Hy cầm ê-ke (cử 矩). Ý nói Nữ Oa và Phục Hy là những vị thần đặt nền móng, thiết lập “quy củ” cho nền văn minh Trung Hoa.

Đến đây ta đã thấy có 2 bà cùng tên Nữ Oa, cùng sáng tạo ra con người nhưng công nghệ và kết quả khác nhau.

II CUỘC ĐẤU TRANH CỦA HAI BÀ NỮ OA

Tính cách của hai bà Nữ Oa

Ta đã biết có 2 vị thần Sáng. Thần Sáng tạo của người Hoa là bà Nữ Oa Hoa “đội đá vá trời” và của người Việt là bà Nữ Oa Việt “1... ba mẫu ruộng”. Hai vị cùng tên nhưng tính cách khác nhau, tạo ra hai nền văn hiến khác nhau.

Bà Nữ Oa “đội đá vá trời” dùng đất sét tạo ra 2 loại người khác nhau. Loại đầu tiên được nặn cẩn thận theo hình mẫu của bà thì hoàn chỉnh giống như thần thánh cả về hình thức và trí tuệ, xếp ở giữa, là người Trung Hoa thượng đẳng sống ở trung tâm gọi là Trung Nguyên, tạo thành Trung Quốc (quốc gia ở trung tâm thiên hạ). Loại thứ hai được bà Nữ

Oa dùng dây thừng quất vào đất sét cho bắn tung tóe ra chung quanh, đương nhiên sẽ thành loại người thiếu hoàn thiện cả về hình thể lẫn trí tuệ. Đó là những tộc người “rợ” sống ở vòng ngoài, bị gọi theo cách khinh miệt là tứ Di gồm:

-Bắc: “Địch” gồm Hung Nô, Kim, Khiết Đan, Đột Quyết, Hồ.

-Đông: “Di” gồm Triều Tiên, Nhật Bản.

-Tây: “Nhưng” gồm Thổ Phồn, Tây Hạ.

-Nam: “Man” là tên gọi chung các bộ tộc Bách Việt.

Về bản chất, câu chuyện bà Nữ Oa “đội đá vá trời” nặn ra 2 loại người khác nhau chính là “Thuyết chủng tộc thượng đẳng” được trá hình dưới danh nghĩa thần thánh. Tình tiết vì muốn nhanh nên bà đã dùng dây thừng quất vào đất sét, tạo ra loại người thứ 2 xấu xí chỉ là nguy trang cho mục đích phân biệt chủng tộc. Đã là thần mà còn vội vàng và làm ẩu. Dù vô tình hay hữu ý, bà Nữ Oa “đội đá vá trời” cũng là vị thần phân biệt chủng tộc, cội nguồn của tư tưởng bành trướng.

Bà Nữ Oa “l... ba mẫu ruộng” sinh ra loài người từ cơ quan sinh sản sau của bà sau khi giao phối với ông Tượng. Theo thuyết này, mọi người trên trái đất đều là con một nhà, đều là hậu duệ của thần thánh, đều cao quý như nhau. Người Việt không kể nam hay nữ, gặp nhau thì hỏi tuổi của nhau để xưng anh em chú cháu là từ cơ sở này. Bà Nữ Oa “l... ba mẫu ruộng” là biểu tượng của tinh thần nhân văn, bình đẳng, hòa hợp, bác ái.

Hai bà Nữ Oa là biểu tượng cho 2 “Thuyết Sáng tạo” đối nghịch nhau.

Thực tế từ hàng ngàn năm trước ở Việt Nam đã diễn ra cuộc đấu tranh tàn khốc giữa 2 vị thần Sáng tạo cùng tên. Bà Nữ Oa “đội đá vá trời” đi cùng gươm đao của đạo quân đô hộ. Bà Nữ Oa “l... ba mẫu ruộng” trở thành tâm linh che đỡ tinh thần dân Việt. Bà Nữ Oa “l... ba mẫu ruộng” còn được dân Việt thờ phụng thì tư tưởng kỳ thị chủng tộc của bà Nữ Oa “đội đá vá trời” bị bại lộ, huyền thoại về sự cao quý của người Trung Hoa và tính chính danh của chính quyền đô hộ đối với những sắc dân bị cai trị mà họ gọi là Tứ Di bị bác bỏ. Vì lẽ đó, kẻ xâm lược đã thực hành việc đồng hóa nước Việt một cách toàn diện: không chỉ đất Việt và dân Việt mà cả thần thánh Việt nữa. Bà Nữ Oa l... ba mẫu ruộng là vị thần nguy hiểm nhất đối với mục tiêu bành trướng. Chính quyền đô hộ phải tìm mọi cách dẹp bỏ bà, dọn đường cho bà Nữ Oa đội đá vá trời hiển linh. Tuy nhiên, bà Nữ Oa l... ba mẫu ruộng không dễ bị khuất phục, đã kiên cường chống lại trong một cuộc kháng chiến trường kỳ kéo dài hàng ngàn năm không dứt.

Cuộc chiến ngàn năm

Đồng thời với việc tuyên truyền các giá trị văn hóa Trung Hoa, chính quyền đô hộ luôn tìm cách triệt phá những gì thuộc về nền văn hóa bản địa Bách Việt. Bà Nữ Oa “l... ba

mẫu ruộng” là vị đầu tiên trong các thần linh bản địa mà chính quyền đô hộ quyết triệt bỏ. Chỉ có như vậy, bà Nữ Oa “đội đá vá trời” mới hiển linh được trên vùng đất và trong tâm linh của người “Nam Man”.

Các đền, miếu thờ ông Tượng và bà Nữ Oa “1... ba mẫu ruộng” đều bị đập bỏ. Các văn tự ghi chép truyền thuyết về bà và ông Tượng bị hủy hoại. Khắp nơi chỉ được truyền bá huyền thoại bà Nữ Oa “đội đá vá trời”.

Trong hoàn cảnh đó, người dân Việt phải sử dụng nhiều cách khác nhau để duy trì tục thờ phụng hai vị thần Sáng tạo của mình. Các vị rất linh thiêng sẽ phù hộ độ trì cho dân Việt bảo tồn văn hóa của mình trước cuộc đồng hóa thâm độc và tàn bạo của kẻ xâm lăng. Văn hóa còn, dân tộc còn. Văn hóa mất, dân tộc mất.

Để che mắt chính quyền đô hộ, lễ hội thờ ông Tượng và bà Nữ Oa đã được người dân Việt tổ chức biến tướng dưới nhiều hình thức đa dạng. Mặc dù trá hình nhưng tất cả các hình thức thờ tự đó đều thể hiện rất rõ không khí của việc thờ 2 vị thần Sáng tạo. Dưới đây là một số dạng biến tướng tục thờ ông Tượng và bà Nữ Oa:



- Các đền, miếu thờ đều thay tên ông Tượng và bà Nữ Oa bằng những tên khác như: ông Khiu bà Khiu, ông Cồ bà Cộc, ông Đùng bà Đà, Chúa trai Chúa gái...; hoặc miếu Nữ Nường... thờ 2 bộ phận sinh dục nam, nữ; hoặc đơn giản hơn nữa, miếu thờ là một cái l... tạc tên vách đá. Ở những nơi đó, dân làng tổ chức lễ hội bằng nhiều hình thức khác nhau nhưng đều liên quan đến sự giao cấu nam nữ.

-Táo bạo nhất phải kể đến vùng Bắc Ninh. Ở đó, người dân tôn hai vị thần Sáng tạo làm “Thành Hoàng làng” và rước vào thờ ngay trong đình làng. Thực chất Lễ hội thờ Thành Hoàng làng ở vùng đó cũng chính là lễ hội thờ thần Sáng tạo, được tổ chức dưới nhiều hình thức đa dạng. Một số lễ hội thờ Thành Hoàng ở vùng đó được ghi lại trong tài liệu “Viễn Đông Bác Cổ” như sau (Trích theo Tểu Blog):

*Tục hát và đánh chen ở xã Nga Hoàng, huyện Võ Giàng, tài liệu viết:

“Lại hỏi, xã ấy vào ngày 11 tháng 2 có lệ nhập tịch tế thần... Tế xong, toàn dân cùng ăn uống ở đình. Đến chiều tối, mướn ca kỹ đến hát hầu thần ở đình. Ca kỹ hát ở chính giữa đình. Hai bên đình là chỗ trai gái đến xem hát. Nếu con trai thấy con gái đứng chỗ nào thì người con trai cũng đến chỗ đó đứng. Con trai thân áp sát vào giữa đám con gái, thân người con trai sát thân người con gái, tay người con trai điểm vào ngực người con gái.



Đêm đó thuê ca kỹ đến hát thờ thần từ 7, 8 giờ tối đến 4, 5 giờ sáng mới thôi. Đêm ấy từ lúc ca kỹ bắt đầu đến lúc thôi hát, đôi trai gái nào thuận tình, thì người con trai dẫn người con gái ra chỗ nào tối ở ngoài đình, hai người giao dâm với nhau, không dám làm việc đó ở trong đình, vì đôi trai gái sợ có uế khí với thần. Trai gái sát người vào nhau điểm ngực ở trong đình thì được, nhưng nếu đã giao dâm với nhau thì không được ở trong đình. Nếu như đêm ấy xã thuê ca kỹ hát thờ thần, không có con trai con gái trong xã ra đình xem hát, không có người con gái nào để đánh chen điểm ngực, thì đêm đó, mọi người dân xã trong đình tự nhiên sinh ra cãi nhau, hoặc người ca kỹ gây sự với người trong xã, hoặc người trong xã gây sự với nhau, mọi người sinh ra ẩu đả. Cho nên, năm nào vào đêm hôm đó, ca hát hầu thần cũng có nam nữ ra đình xem hát, đánh chen, điểm ngực thì mới tránh được nảy sinh những chuyện bất bình.”

- **Hát thờ thần và hát nằm với nhau ở làng Diềm.**

Làng Diềm tức xã Viêm Xá, tổng Châm Khê, huyện Võ Giàng ngày xưa, tương truyền là một trong những nơi gạ cội của hát Quan họ. Tài liệu “Bắc Ninh tỉnh khảo dị” ghi:

“Lại nói xã ấy có một đình, phụng thờ hai vị Thần Hoàng, thánh ông hiệu là Tam Giang Đại vương, thánh bà hiệu là Hoàng hậu. Hàng năm vào ngày mồng 4 tháng giêng khai xuân... Ngày 10 tháng 8, nhập tịch mở hội tế hai vị thần.

Lại như trai gái xã ấy giao lưu với xã Hoài Bảo ở huyện Tiên Du. Nam nữ làm một hội hát, xã Viêm Xá gồm 10 người con trai, 10 người con gái, xã Hoài Bảo gồm 10 người con trai, 10 người con gái. Nam nữ hai xã này hợp thành một phường ca hát. Đến ngày xã Viêm Xá mở hội xuân hay ngày nhập tịch thờ hai vị thần, dân xã sai một người con trai mang trầu cau đến mời con trai con gái xã Hoài Bảo sang xã Viêm Xá hát; nhưng con gái xã Hoài Bảo không đi mà chỉ có các chàng trai đến xã Viêm Xá. Con trai xã Hoài Bảo ca với các cô gái xã Viêm Xá. Nếu ngày nào theo tục lệ là ngày xã Hoài Bảo thờ thần, thì xã Hoài Bảo cũng sai một người con trai mang trầu cau sang mời trai gái xã Viêm Xá đến, nhưng con gái xã Viêm Xá không đi, chỉ có con trai đến xã Hoài Bảo hát với các cô gái xã Hoài Bảo...

Lại hỏi, xã ấy vào ngày 4 tháng giêng có tục con trai con gái đến đình thờ thần, rồi đến đêm thì cùng nhau về nhà chị cả, hát với con trai xã Hoài Bảo. Đêm ấy làng này con gái có chồng và con gái chưa chồng cũng đều đến nhà chị cả. Con trai Hoài Bảo với con trai xã ấy ngồi một bên... con gái ngồi một bên trong nhà chị cả. Chị cả sai người nhà làm tiệc rượu mời các chàng trai xã Hoài Bảo ăn uống no say, sau đó mới hát. Trai gái hát từ 8 giờ tối đến 2 giờ sáng thì tắt đèn trong nhà, trai gái cùng nằm mà hát. Lúc tắt đèn, anh cả hát với chị cả, anh hai hát với chị hai ..., anh bé hát với em bé, còn những người con trai thuận tình với người con gái nào thì cũng hát với cô ấy. Nếu như chàng trai con gái nào yêu nhau, giả vờ đi ra tiểu tiện ở ngoài nhà, cùng đi ra ngoài nhà mà giao phối, thường thì người trong nhà cũng không biết. Sau đó lại vào trong nhà rồi hát, hát đến 4,5 giờ sáng mới thôi. Con trai xã Viêm Xá về nhà, con trai xã Hoài Bảo về xã Hoài Bảo, rồi con gái xã Viêm Xá tiễn con trai xã Hoài Bảo về, chị cả tiễn anh cả, chị hai tiễn anh hai, chị ba tiễn anh ba, chị tư tiễn anh tư, chị năm tiễn anh năm, em bé tiễn anh bé, mỗi người tiễn một đường, không đi chung một đường, hoặc đi cách xa đường nhau. Lúc 4,5 giờ sáng vẫn đương tối chưa sáng, trai gái tiễn nhau về cũng làm việc giao phối ở bên đường, lúc đó không ai biết. Xã này có tục ấy, nên người nào có con gái không cho đi hát đêm ấy thì bị những người cho con gái đi hát cười. Cười rằng: Những người có con gái không cho đi hát cũng hư mất đời, lại không tuân lệ làng.”

- **Tục hát úp đèn thờ thần, điếm ngực ở Ném Thượng**

Làng Ném Thượng sáng ngày Rằm tháng giêng có tục giết lợn tế thần. Tối hôm đó mời đào nương đến hát. Tài liệu trên chép:

“Khán xong, mọi người cùng lễ bái thần. Mọi việc xong thì người già ngồi một gian bên trong đình xem hát. 3,4 người kỳ mục ngồi ở gian giữa, trong chỗ có hương án, đánh trống xem hát. Đào nương đứng ở ngoài hương án mà ca hát. Đàn ông, đàn bà, người già trong làng đều ra đình xem và nghe hát.

Ca hát từ đó đến 8,9 giờ tối thì tắt đèn, hát đến chừng 2 giờ đêm. Một người kỳ mục bung đĩa đèn đứng thẳng trên mặt đất giữa đình, lấy một cái chõ úp lên trên đèn (chú thích: Tục cổ thì tắt đèn đi, nay thì lấy chõ úp lên), trong đình, trong cung ấy tối om om. Một người kỳ mục ngồi ở gian chính giữa mới nhảy xuống sờ ngực người đào nương. Còn đàn ông đàn bà người nào người nấy thấy đèn bị che đi, lại thấy kỳ mục sờ ngực đào nương thì các đàn ông cũng sờ ngực đàn bà.

Khoảng ba phút đồng hồ thì có một người nhấc cái chõ ra, đèn lại sáng. Mọi người không sờ ngực nữa, lại ngồi nghiêm chỉnh như cũ để nghe hát...

Nếu năm nào nhập tịch tế thần không muốn đào nương đến đình hát thờ thần, lại không sờ ngực đào nương, không có đàn ông sờ ngực đàn bà thì năm ấy trong làng trâu bò lợn gà phần nhiều đều bệnh tật, người người đều không được yên... Nếu... có muốn đào nương đến hát và đàn ông sờ ngực đàn bà ở trong đình thì năm đấy nhân dân được bình yên, trâu bò lợn gà sinh sôi nảy nở..., lúa má tằm tang tươi tốt.

Tục trên được ghi lại do người ghi chứng kiến tại chỗ vào đêm 15 tháng giêng năm 1920 tại đình Niệm Thượng.”

Lễ hội Ná Nhèm:

Ná Nhèm trong tiếng Tày có nghĩa là “mặt nhọ”. Người già ở Trấn Yên không ai biết rõ lễ hội có từ bao giờ, chỉ biết rằng trước kia hằng năm, cứ đến ngày rằm tháng Giêng, dân làng lại nô nức kéo về đình mở hội. Bên cạnh nghi thức cúng Thành Hoàng, lễ hội Ná Nhèm còn tái hiện sự tích đánh giặc giữ làng và lễ rước Tàng Thỉnh, Mặt Nguyệt .



Tàng thỉnh” là linh vật của người đàn ông có chiều dài 1m, đường kính hơn 40cm và nặng hơn 1 tạ, làm bằng gỗ. “Mặt nguyệt” tượng trưng cho âm hộ người phụ nữ. Hai đám rước tiến lại, đâm Tàng Thỉnh vào Mặt Nguyệt. Hai linh vật giao hòa tạo sự an bình, sinh sôi trong cuộc sống.

Nhiều nơi, lễ hội thờ ông Tượng bà Oa lại biến tướng thành những trò chơi nhẹ nhàng mang tính thể thao, nghệ thuật như:

-Trò chơi đu ngày tết. Hầu hết các làng đều trồng cây đu vào dịp tết. Các đôi nam nữ cùng lên đánh đu, có nơi gọi là nhún đu với nhau. Chữ đu phát âm gần giống chữ đụ. Bài thơ “Chơi đu” của bà Hồ Xuân Hương miêu tả đôi trai gái đang nhún đu nhưng cũng gợi cảm giác như thể họ đang đụ:

“...Trai co gối hạc khom khom cật.

Gái uốn lưng ong ngửa ngửa lòng.

Bốn mảnh quần hồng bay phấp phới.

Hai hàng chân ngọc duỗi song song...”

-Người Mường biến tướng lễ hội thờ thần Sáng tạo thành lễ hội “ném còn”. Quả “còn” có hình dáng tượng trưng cho bộ sinh dục của ông Tượng. Vòng “còn” trước lễ hội được bịt bằng giấy đỏ tượng trưng cho cái l... bà Nữ Oa còn trình được buộc trên một cây sào thật cao tượng trưng cho việc bà từ trên trời hạ xuống. Người chơi tung quả còn bay qua “lỗ còn” tượng trưng cho cuộc giao hợp giữa ông Tượng và bà Nữ Oa.

-Nhiều nơi tổ chức các trò chơi đơn giản như: nam nữ ôm nhau cùng “bắt chạch trong chum” hay “leo cầu bóp vú”.

-Nhiều nơi lại thờ cúng thần Sáng tạo bằng các loại bánh tượng trưng cho bộ phận sinh dục nam và nữ:

Bánh chưng (chung) được gói thành 2 dạng: bánh cặp và bánh ống. Bánh cặp gồm 2 chiếc khum hình mu rùa không có nhân, buộc lại với nhau tượng trưng cho 2 mu l... Bánh ống còn gọi là bánh đòn, bánh tày, bánh tết thì có nhân tượng trưng cho cái b...

Bánh dày sau khi giã xong cũng được nặn thành 2 dạng gồm: một cặp bánh dày không có nhân tượng trưng cho 2 mu l... và một chiếc bánh cuốn thì có nhân đậu xanh rang nghiền nhỏ trộn mật nằm dọc giữa bánh tượng trưng cho cái b...

(Ghi chú: Cũng là bánh chưng và bánh dày nhưng khi thờ Trời Đất như ở lễ hội Đền Hùng thì người ta lại làm: Bánh dày màu trắng, hình tròn, mặt bánh cong tượng trưng cho trời. Bánh chưng gói lá xanh, hình vuông, mặt bánh phẳng tượng trưng cho đất.)



-Có nơi lại đặt tên làng xóm, vùng đất của mình bằng những từ chỉ các bộ phận sinh dục và sự giao cấu như trong ảnh bên.

Nhờ biến tướng thành nhiều hình thức đa dạng như vậy nên tục thờ cúng 2 vị thần Sáng tạo vẫn tồn tại cùng người dân Việt qua ngàn năm Bắc thuộc và cả một ngàn năm độc lập tiếp theo.

Nhưng cũng vì biến tướng nên sau hàng ngàn năm, người đời sau không còn biết nguồn gốc và ý nghĩa của các phong tục thờ thần Sáng tạo nữa. Người địa phương cũng chỉ biết giải thích rằng, “xưa sao nay vậy”. Những người ở nơi khác đến muốn tìm hiểu nguồn gốc thì căn cứ vào hiện tượng nhìn thấy mà cho rằng, đó là hủ tục phồn thực hoặc thờ dâm thần- di sản của thời mông muội còn rơi rớt lại. Mọi giá trị tinh thần và sự linh thiêng của tục thờ thần Sáng tạo gần như bị mất dấu.

Từ ngày hòa bình, vì không còn biết được nguồn gốc và tinh thần của lễ hội nên tục thờ thần Sáng tạo bị quy kết là trụy lạc, bị cấm triệt để. Không chỉ riêng tục thờ thần Sáng tạo mà tất cả các lễ hội dân gian khác từ to đến nhỏ cũng đều bị cấm tuyệt đối. Những mạch nối hiện tại với quá khứ đều bị chặt đứt. Sau gần nửa thế kỷ, bị cấm đoán nghiêm ngặt, người Việt dần dần trở nên xa lạ với truyền thống của mình. Ông Dương Trung Quốc- Tổng thư ký Hội Sử học Việt Nam phát biểu thật đau đớn: “Thế hệ chúng ta mất gốc hoàn toàn!”

Nhưng con Tào xoay vần, Việt Nam bước sang thời kỳ cởi trói, đổi mới. Các lễ hội thờ thần Sáng tạo đang bị gọi là “dâm thần” cũng được phép khôi phục.



Một trong những lễ hội tiêu biểu nhất của tục thờ thần Sáng tạo được khôi phục là lễ hội “Trò Trám” ở miếu Đụ Đị trong một khu rừng trám thuộc xã Tứ Xã, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Lễ hội kéo dài trong 3 ngày, từ 10 đến 12 tháng Giêng âm lịch. Trong lễ hội ấy, đến mục “tháo khoán”, từng đôi nam nữ dắt nhau ra rừng giao phối với nhau.

Theo tác giả Xuân Bình: “Một thời gian dài lễ hội Tứ Xã và Trò Trám bị đứt đoạn, thậm chí, nó còn bị bài bác là trụy lạc... Đầu những năm 1990, lễ hội Tứ Xã bắt đầu nhen nhóm

trở lại nhưng phải tới năm 2000 lễ hội độc nhất vô nhị này mới được chính thức phục hồi với quy mô quốc gia.”

Người ta cho rằng, miếu Đụ Đị ở Tứ Xã là nơi khởi nguyên của tục phồn thực, thờ âm thần. Vì mục đích thu hút khách du lịch, lễ hội được quảng cáo rầm rộ. Vào hôm khai trương trở lại lễ hội miếu Đụ Đị, có khoảng 70 quan khách gồm các nhà nghiên cứu, các phóng viên báo chí từ cơ quan thông tấn trung ương và các địa phương về dự.

Từ đó hàng năm, lễ hội Đụ Đị nào cũng có nhiều nhà khoa học về nghiên cứu, nhà báo về lấy tin và du khách đến tham quan. Có năm làng phải tổ chức 2 lần để họ quay phim chụp ảnh. Những tưởng như vậy thì truyền thống cổ sơ sẽ được giữ gìn. Nào ngờ “thương nhau mà lại bằng mười phụ nhau”.

Du khách, giới báo chí và các nhà nghiên cứu quan niệm đơn giản rằng, lễ hội Đụ Đị chỉ là trò phồn thực, tận hưởng khoái lạc, chẳng có gì là linh thiêng. Nhiều tờ báo đưa tin về lễ hội đặt tít với những chữ giật gân như: “Kỳ lạ, độc đáo...”

Theo lệ, màn “tháo khoán” phải có trai tân, gái trinh đến đụ thật sự để dâng hiến thần thì mới linh. Mục tháo khoán chỉ diễn ra trong bóng tối. Nhưng nhiều phóng viên, nhà nghiên cứu và cả du khách nữa mang những máy quay hồng ngoại loại cao cấp đến, ghi được hình ảnh rõ ràng ngay cả trong bóng tối. Lại thêm thời đại Internet nối mạng khắp nơi. E ngại hình ảnh dâng hiến thần linh nghiêm túc của mình bị đưa lên mạng làm trò, nam thanh nữ tú trong làng “chạy” hết. Chỉ còn các ông bà ngũ tuần tham gia “diễn” trò. Đối với dân làng, lễ hội vậy là mất thiêng.

Ngày nay ở Việt Nam, truyền thuyết “L... bà Nữ Oa bằng ba mẫu ruộng, b... ông Tượng bắc cầu qua sông” đã rất ít được nhắc đến. Nhiều người tỏ ra có cảm hứng với “bà Nữ Oa đội đá vá trời” hơn.

Với những gì vừa trình bày, chúng tôi tin rằng từ thời xa xưa, trước khi bị đô hộ, người Việt đã có thuyết Sáng tạo của riêng mình- một thuyết chan chứa tính nhân văn, bình đẳng, bác ái.

III . THUYẾT ÂM DƯƠNG NGŨ HÀNH

Tương tự như trường hợp có 2 vị nữ thần Sáng tạo cùng tên Nữ Oa, trên thực tế cũng có 2 triết thuyết cùng tên Âm Dương nhưng nội dung khác hẳn nhau gồm: Thuyết Âm Dương Thái Cực của người Hoa và Thuyết Âm Dương Ngũ hành của người Việt. Đến nay, nội dung Thuyết Âm Dương Ngũ hành của người Việt đã gần như bị thất truyền, chỉ còn lại những thuật ngữ mà trong thuyết Âm Dương Thái Cực của người Hoa cũng có. Trong bối cảnh đó, nhiều người đã nhầm tưởng chỉ có một thuyết Âm Dương.

Cũng có nhiều người không tin như vậy, đã cố gắng tìm kiếm tài liệu từ trong dân gian Việt Nam để nghiên cứu. Nguyễn Vũ Tuấn Anh là một người tâm huyết theo hướng này. Năm 2002, ông đã phát hiện ra bức tranh Hàng Trống có hàng chữ đề “Lưỡng Nghi sinh Tứ Tượng” và nghiên cứu trên tranh đó. Ngày 18-1-2011, trang “Tranh dân gian Đông Hồ” công bố một bức tranh “Lưỡng Nghi sinh Tứ Tượng” nữa được lưu trữ ở nhà nghệ nhân Nguyễn Đăng Chế có nhiều điểm khác với tranh “Lưỡng Nghi sinh Tứ Tượng” Hàng Trống.



Từ 2 bức tranh đó, chúng tôi cố gắng khôi phục lại đại thể Thuyết Âm Dương Ngũ hành. Kết quả, Thuyết Âm Dương Ngũ hành của người Việt cổ có những điểm khác nhau cơ bản với Thuyết Âm Dương Thái Cực của người Hoa trong Kinh Dịch.

Nhìn tổng thể, hai bức tranh khá giống nhau: Đề vẽ 4 thân người dính liền nhau nhưng chỉ có 2 đầu, 4 tay và 4 chân. Một chân đứng trên lưng rùa. Một tay cầm dây buộc vào thân rùa. Một tay khác cầm hình Bát Quái đưa lên cao.

Nhưng nhìn chi tiết, 2 bức tranh có nhiều điểm khác nhau, cần khảo cứu sơ bộ để tìm ra tranh nào có khả năng gần nguyên tác hơn.

Tranh Hàng Trống đánh bóng nổi, hàng chữ Nho “Lưỡng Nghi sinh Tứ Tượng” đề trên tranh có nét chữ thảo bay bướm trông như những chữ thư pháp. Bố cục của dòng chữ trên tranh cũng hài hòa so với toàn cảnh. Bức tranh toát lên hơi hướng tranh nghệ thuật thư họa của giới họa sĩ hàn lâm. Đây rõ ràng là bức tranh do một họa sĩ chuyên nghiệp có Nho học bài bản nào đó mới phục dựng theo mẫu tranh dân gian. Màu sắc tranh Hàng Trống lại càng khó hiểu.

Tranh Đông Hồ có những dòng chữ Quốc ngữ: “Lưỡng Nghi sinh Tứ Tượng Vĩnh Lợi hiệu”. Nét bút mang dáng dấp của loại chữ do người vốn quen viết chữ Nho hoặc chữ Khoa đầu mới chuyển qua viết chữ Quốc ngữ. Bố cục của những dòng chữ trên tranh thiếu cân đối, không ăn nhập với bố cục chung của tranh. Những dòng chữ đó rõ ràng là mới được hiệu Vĩnh Lợi điền thêm vào, không phải là chữ trong nguyên tác của tranh. Về hình vẽ, nét vẽ và màu sắc các chi tiết trong tranh đều đúng là thuộc dòng tranh khắc gỗ truyền thống Việt Nam. Từ những nhận xét đó, ta thấy bức tranh Đông Hồ gần với nguyên tác hơn, và biết đâu nó chính là nguyên tác cũng không chừng, trừ dòng chữ quốc ngữ mới được điền vào sau! Dòng chữ này không những hình dáng mà ngay cả nội dung cũng đáng ngờ. Dòng chữ ghi “Lưỡng Nghi sinh Tứ Tượng”, nhưng nội dung lại thể hiện quá trình Tứ Tượng sinh Bát Quái rất rõ ràng.

Chúng ta sẽ sử dụng tranh Đông Hồ làm tài liệu nghiên cứu quá trình “Tứ Tượng sinh Bát Quái” theo quan niệm của người Việt cổ.

Tranh vẽ 4 thân người mặc áo màu khác nhau tượng trưng cho 4 “tượng” dính liền nhau gồm:

-Thân trên cùng mặc yếm hồng là “Tượng Hỏa” (火).

-Thân bên phải mặc áo xanh là “Tượng Mộc” (木).

-Thân bên trái mặc áo trắng là “Tượng Kim” (金).

-Thân dưới cùng mặc áo xanh, yếm trắng, một giọt nước đang rót ra từ bàn tay cầm dây là “Tượng Thủy” (水).

-Phía dưới là một con rùa. Mỗi ô của mai rùa đều được tô một màu riêng và đều có một chữ “mộc” (木) thể hiện con rùa này tượng trưng cho “Thổ” (土). Thổ là đất, mặt đất có nhiều vùng khác nhau và mỗi vùng đều có cây cối.

-Chỉ có một chân Tứ Tượng đứng trên lưng rùa, một tay Tứ Tượng cầm dây buộc vào thân rùa, ý nói Tứ Tượng phải dựa trên Thổ mà vận động.

Đến đây, xuất hiện 2 điểm khác cơ bản so với cách chúng ta đang hiểu (theo thuyết Âm Dương Thái Cực):

Điểm khác cơ bản thứ nhất: “Tứ Tượng” là thuật ngữ chỉ dùng với Kim, Mộc, Thủy và Hỏa; gọi đúng phải là “Tượng Hỏa”, “Tượng Mộc”, “Tượng Kim” và “Tượng Thủy”. Chữ “tượng” ở đây có nghĩa là tượng trưng: Tượng Hỏa không phải là Hỏa mà chỉ là dạng tiền vật chất mang tính hỏa, các Tượng Mộc, Kim và Thủy cũng tương tự như vậy.

Điểm khác cơ bản thứ hai: Thổ không thuộc Tứ Tượng, không có thuật ngữ “Tượng Thổ”. Từ đó suy ra: Nguyên tố “Thổ” đã hình thành trước. Tứ Tượng không thể đứng độc lập mà phải dựa vào Thổ để vận động, tương tác, chuyển hóa lẫn nhau.

Tứ Tượng và nguyên tố Thổ đã vận động như thế nào?

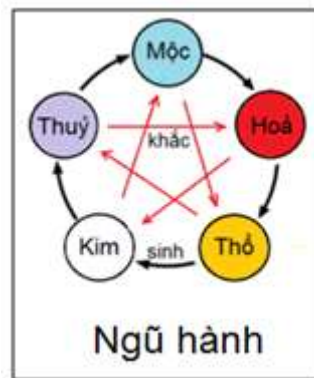
Quan sát trang phục các tượng, ta sẽ thấy chúng không cùng một độ tuổi:

-Hai thân Thủy và Hỏa đeo yếm ý nói Tượng Thủy và Tượng Hỏa đang là trẻ em.

-Thân Mộc mang một cái ống trông giống như ống quyển là dụng cụ đựng giấy, vở của các thư sinh ý nói Tượng Mộc đã trưởng thành ở tuổi học trò.

-Thân Kim mang một bầu rượu, ý nói Tượng Kim đã là người lớn.

Các thân tượng có độ tuổi khác nhau thì hình thức và mức độ vận động cũng khác nhau nhưng lại trong trạng thái dính liền nhau. Họa sĩ muốn thể hiện rằng: sự vận động của 4 thân trong Tứ Tượng cùng với Thổ sẽ không đồng bộ. Giữa các Tượng sẽ xuất hiện cả sự nương dựa và bút phá lẫn nhau (lực hút và lực đẩy). Sự nương dựa là “tương sinh”, sự bút phá là “tương khắc”. Tương sinh và tương khắc không ngẫu nhiên mà theo “Quy luật Ngũ hành” như hình vẽ:



Vòng ngoài là tương sinh gồm: Thổ sinh Kim, Kim sinh Thủy, Thủy sinh Mộc, Mộc sinh Hỏa, Hỏa sinh Thổ.

Vòng trong là tương khắc gồm: Thổ khắc Thủy, Thủy khắc Hỏa, Hỏa khắc Kim, Kim khắc Mộc, Mộc khắc Thổ.

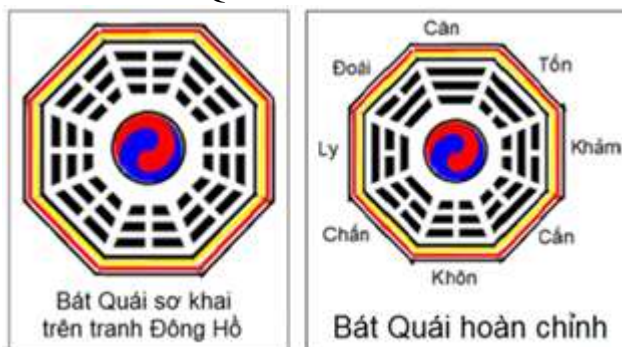
Đến đây, xuất hiện thêm một điểm khác cơ bản nữa so với cách chúng ta đang hiểu. Hiện nay người Việt đang hiểu Ngũ hành theo quan niệm của thuyết Âm Dương Thái Cực rằng Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ là các khí tức các sự vật. Tuy nhiên tranh dân gian Đông Hồ cho thấy người Việt cổ đã quan niệm rằng: “Ngũ hành là 5 bước vận động, tương tác của Tứ Tượng (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa) cùng với nguyên tố Thổ theo 2 quy luật tương sinh, tương khắc trong quá trình tạo thành Bát Quái.”

Quan sát tranh ta thấy:

Kết thúc bước chuyển hóa, một cánh tay Tứ Tượng đưa khối Bát Quái vừa mới hình thành ở dạng sơ khai lên cao như công bố kết quả.

Bát Quái sơ khai đã có chu vi hoàn chỉnh, nhưng bên trong, các quái đều đang cùng một dạng ☵ “Khôn” (là Thổ). Ý họa sĩ muốn thể hiện rằng, Bát Quái lúc này đã có phần vỏ ngoài, còn phần ruột, các quái sơ khai chưa có hình dạng của riêng mình. Chúng đang mang dạng của Khôn. Từ đó suy ra: Tứ Tượng vận động, tương tác với Thổ (Khôn) sinh

ra 7 quái. Trong mỗi quái mới được sinh ra đều có chứa một phần yếu tố Khôn. Yếu tố Khôn thì đã có dạng rõ ràng nên các quái sơ khai đều mang hình dạng của Khôn. Bát Quái sơ khai tiếp tục phát triển thành Bát Quái hoàn chỉnh.



Bát Quái hoàn chỉnh có 8 quái rõ ràng với các vạch là: ☰ Quái Càn (trời), ☷ Quái Tốn (gió), ☵ Quái Khảm (nước), ☶ Quái Cấn (núi), ☱ Quái Khôn (đất), ☳ Quái Chấn (sấm sét), ☲ Quái Ly (lửa), ☴ Quái Đoài (đầm).

Quái Càn là dạng tiên vật chất mang tính trời nhưng không phải là trời. Các quái khác cũng tương tự như vậy.

Bát Quái chưa phải đã ổn định. Nó chỉ là một dạng trung gian trên tiến trình chuyển hóa. Hình Lượng Nghi nằm ở trung tâm Bát Quái tượng trưng cho việc Bát Quái còn tiếp tục phát triển. Bát Quái sẽ phát triển theo quy luật chia đôi thành một loạt các dạng trung gian tiếp theo có số thành tố là: 16, 32, 64, 128... cho đến khi hình thành Vũ trụ và vạn vật.

IV .THUYẾT ÂM DƯƠNG THÁI CỰC

Thuyết Âm Dương Ngũ hành nguyên thủy của người Việt được miêu tả trong tranh Đông Hồ có nhiều điểm khác so với thuyết Âm Dương Thái Cực của Trung Quốc được ghi trong Kinh Dịch.

Có một sự trùng hợp rất đáng quan tâm: Nếu 2 thuyết Sáng tạo có nhân vật chính cùng tên Nữ Oa thì 2 thuyết Âm Dương cũng có những khái niệm cùng tên như: lưỡng nghi, tứ tượng, ngũ hành, bát quái. Tuy nhiên nội dung của 2 thuyết lại khác nhau. Trong Kỳ 3, chúng ta đã biết nội dung thuyết Âm Dương Ngũ hành nguyên thủy của người Việt. Sau đây, chúng ta sẽ tìm hiểu một số nội dung thuyết Âm Dương Thái Cực được ghi trong Kinh Dịch khác với thuyết Âm Dương Ngũ hành.

Theo Wikipedia: Triết lý âm dương được cho là của Phục Hy viết:

“Vô cực sinh hữu cực, hữu cực là thái cực.

Thái cực sinh lưỡng nghi, tức âm dương.

Lưỡng nghi sinh tứ tượng, tức thiếu âm, thái âm, thiếu dương, thái dương.

Tứ tượng diễn bát quái, bát bát lục thập tứ quái.”

Trong phần “Hệ từ” (繫辭) bàn luận về Kinh Dịch, một phần đã được viết từ rất xưa, mà người ta cho rằng tác giả là Văn Vương và Chu Công Đán viết:

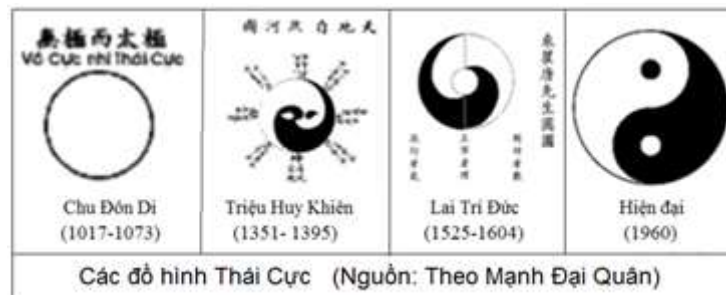
“Do đó, nó (thái cực) là dịch ở thời điểm khởi đầu. Rồi nó phân thành lưỡng nghi (兩儀). Lưỡng nghi sinh tứ tượng (四象). Tứ tượng sinh bát quái (八卦). Bát quái quyết định may rủi. May rủi tạo nên hàng loạt hành động.” (tr. Wilhelm and Baynes 1967:318-9)

Hai đoạn trích đó đều có tính logic, cái có trước “sinh” ra cái có sau. được coi là lý thuyết khởi đầu cho Kinh Dịch.

Nhưng khi triển khai, những chữ “sinh” đã bị biến mất. Các khái niệm: thái cực, lưỡng nghi, tứ tượng, bát quái như những thứ rời rạc, không có liên quan gì đến nhau và mỗi khái niệm lại có nhiều dạng với nguồn gốc riêng. Sau đây là một số ví dụ:

Ví dụ 1: Đồ hình Thái Cực.

Các nhà Dịch học đều thống nhất cho rằng, Thái Cực ban đầu chỉ là một điểm có tính Dương. Sau đó, Dương sinh ra Âm. Tuy nhiên trên thực tế đến nay đã có 4 đồ hình Thái Cực khác nhau như hình vẽ.



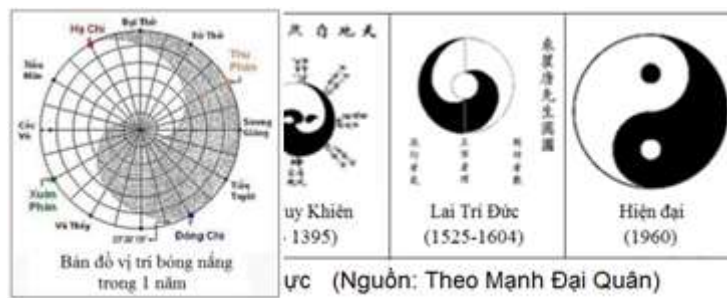
So với lý thuyết, Thái Cực đồ đơn giản của Chu Đôn Di có vẻ phù hợp hơn cả. Còn ba Thái Cực đồ tiếp theo đều phức tạp, đã phân Âm Phân Dương, không thể hiện được tinh thần: Thái Cực là điểm khởi đầu và Dương tính.

Thái Cực đồ của Triệu Huy Khiên được vẽ gần giống bản đồ vị trí bóng nắng nhưng lại có thêm 2 con mắt.

Theo Mạnh Đại Quân, Thái Cực đồ của Lai Trí Đức có ảnh hưởng của Phật giáo.

Thái Cực đồ hiện đại lại giống với Tứ Tượng trong miêu tả của Phục Hy: “Lưỡng nghi sinh tứ tượng gồm: *thiếu âm, thái âm, thiếu dương, thái dương*”.

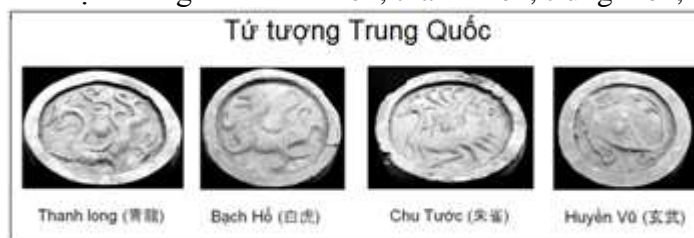
Sự khác nhau giữa các Thái cực đồ đó chứng tỏ chúng đã được vẽ ra theo chủ quan của từng tác giả trong những thời đại khác nhau (cách nhau khoảng 300 năm). Họ điều chỉnh lý thuyết cho phù hợp với sự thay đổi tư duy của thời đại.



Ví dụ 2: Về Tứ Tượng.

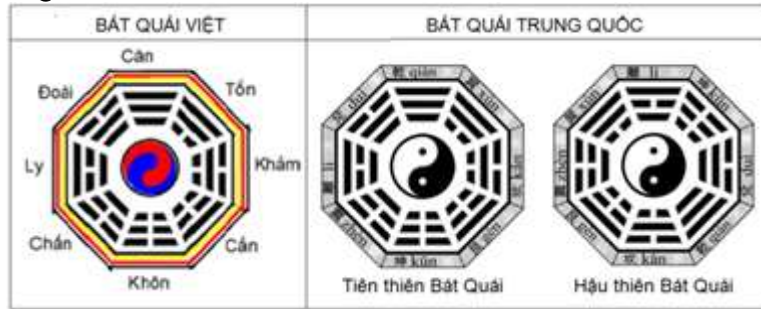
Các nhà Dịch học cho rằng, tất cả những gì tạo thành bộ tứ đều là Tứ Tượng. Từ đó, có đến 6 bộ Tứ Tượng. Ngoài Tứ Tượng gồm bốn trạng thái của Âm Dương gồm: Thiếu Âm, Thái Âm, Thiếu Dương, Thái Dương theo quan niệm của Phục Hy; còn có 5 bộ Tứ Tượng khác nữa như sau:

- 1) Bốn phương đất: Đông, Tây, Nam, Bắc do 4 vị thánh thú cai quản. Mỗi thánh thú có những đặc điểm và nguồn gốc riêng, cai quản riêng 1 phương, gồm: Thanh Long (rồng xanh) ở phương Đông. Bạch Hổ (hổ trắng) ở phương Tây. Chu Tước (chim sẻ đỏ) ở phương Nam và Huyền Vũ (rùa đen) ở phương Bắc. Bộ Tứ Tượng 4 thánh thú này thường được các nhà phong thủy cả ở Trung Quốc và Việt Nam sử dụng nhiều vào việc coi phong thủy, đất cát, thổ trạch.
- 2) Bốn phương sao trên bầu trời: Mỗi phương sao có bảy chòm. Tất cả có 28 chòm sao nên gọi là “nhị thập bát tú”. Bộ Tứ Tượng 4 phương sao này thường được dùng vào chiêm tinh, đoán số mệnh...
- 3) Bốn loại thiên thể trên bầu trời: gồm Mặt Trời, Mặt Trăng, các hành tinh và các định tinh.
- 4) Bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông.
- 5) Bốn giai đoạn của một đời người: thiếu niên, thanh niên, trung niên, lão niên.



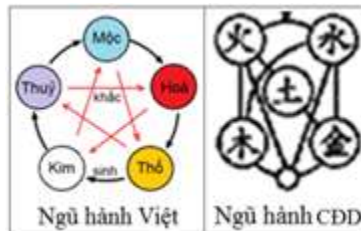
Tập hợp các bộ Tứ Tượng đó phức tạp hơn rất nhiều so với lý thuyết.

Ví dụ 3: Về Bát Quái.



Theo Dịch học thì có 2 đồ hình Bát Quái là Tiên thiên và Hậu thiên như hình bên. Tâm Bát Quái Trung Quốc là đồ hình Thái Cực, khác với tâm Bát Quái Việt là đồ hình Lưỡng Nghi.

Ví dụ 4: Về Ngũ hành.



Các sách Dịch ít nói đến Ngũ hành. Nhà Dịch học đầu tiên nói đến Ngũ hành là Chu Đôn Di, còn có tên là Chu Liêm Khê (1017-1073) – một người nổi tiếng trong giới Dịch học Trung Quốc. Ta sẽ tìm hiểu Ngũ hành trong Thái Cực đồ thuyết của Chu Đôn Di.

Về bản chất của Ngũ hành, Chu Đôn Di viết (Phiên âm của Lê Anh Minh):

“Đương biến Âm hợp, nhi sinh thủy, hoả, mộc, kim, thổ. Ngũ khí thuận bố, tứ thời hành yên. Ngũ hành nhất Âm Dương dã, Âm Dương nhất Thái Cực dã, Thái Cực bản Vô Cực dã. Ngũ hành chi sinh dã, các nhất kỳ tính. Vô Cực chi chân, nhị ngũ chi tinh, diệu hợp nhi ngưng.”

Dịch:

“Đương, Âm biến hóa, kết hợp sinh ra thủy, hoả, mộc, kim, thổ. Năm khí hài hòa bổ sung cho nhau thì 4 mùa yên ổn. Ngũ hành hợp nhất thành Âm, Dương. Âm, Dương hợp nhất thành Thái Cực. Thái Cực là bản tính của Vô Cực. Ngũ hành tạo cho mỗi hành đều có tính chất riêng. Vô Cực là có thật. Hai thứ (âm, dương) và năm thứ (thủy, hoả, mộc, kim, thổ) đều là những tinh khí nhờ sự kết hợp kỳ diệu mà ngưng đọng lại.”

Như vậy, Chu Đôn Di cho rằng:

-Ngũ hành là 5 loại tinh khí thủy hoả mộc kim thổ.

-Cùng với thủy, hoả, mộc, kim, thổ, Ngũ hành Chu Đôn Di còn có thêm một vòng tròn nhỏ nữa.

-Những đường tương tác giữa các “hành” của Chu Đôn Di không theo một quy luật nào: Hỏa, Thủy và vòng tròn nhỏ có 4 đường. Kim và Mộc có 3 đường. Thổ chỉ có 2 đường.

-Tất cả các đường tương tác đều không có mũi tên, chứng tỏ chúng tương tác ngẫu nhiên, không tuân theo 2 quy luật tương sinh tương khắc qua 5 bước chặt chẽ như Ngũ hành Việt. Về kết quả, Chu Đôn Di cho rằng, Ngũ hành tạo cho mỗi hành những đặc tính riêng, không tạo ra cái gì khác.

Nhìn tổng quát, Kinh Dịch là tập hợp những luận điểm mang tính chủ quan của nhiều tác giả khác nhau qua nhiều thời đại kéo dài hàng ngàn năm, phục vụ cho bói toán. Các khái niệm thường được giải thích bằng những quy ước hoặc dựa theo những hiện tượng riêng lẻ, hoặc theo mạch bảo của thần linh (?). Thuyết Âm Dương Thái Cực trong Kinh Dịch giống một truyền thuyết hơn là một triết thuyết.

Những ví dụ trên cho thấy: Thuyết Âm Dương Thái Cực của người Hoa trong Kinh Dịch và thuyết Âm Dương Ngũ hành của người Việt trong tranh Đông Hồ là 2 thuyết khác nhau.

Bảng thống kê những điểm đặc trưng của 2 thuyết Âm Dương

Stt	Tiêu chí	T. Âm Dương Ngũ hành	T. Âm Dương Thái Cực
1	Khởi đầu	Không	Thái cực dương tính
2	Trời và đất	Đất hình thành trước	Trời, đất cùng xuất hiện.
3	Tứ Tượng	Kim, mộc, thủy, hỏa	Các bộ tứ
4	Ngũ hành	5 bước chuyển hóa Tứ Tượng thành Bát Quái	5 loại khí: thủy, hỏa, mộc, kim, thổ
5	Bát quái	Có 1, phát triển	Có 2, ổn định
6	Tính logic	Có	Không
7	Tính huyền bí	Không	Có
8	Ứng dụng	Giải thích thế giới	Bói toán

Bảng thống kê cho thấy: Trên thực tế đã từng có 2 thuyết Âm Dương với nội dung khác hẳn nhau: Thuyết Âm Dương Ngũ hành của người Việt và Thuyết Âm Dương Thái cực của Trung Quốc. Hai thuyết đều sử dụng cùng một hệ thống các tên gọi: Vô cực, Thái cực,

Âm Dương, Lương nghi, Tứ tượng, Bát quái nên đã gây nên sự nhầm lẫn trong nhận thức của hậu thế.

Kết luận

Những tìm hiểu trên đã chứng tỏ rằng:

Trước khi bị đô hộ ngàn năm, người Việt đã có một nền văn minh khá cao. Nền văn minh đó vận hành theo 2 thuyết bản địa: Thuyết Sáng tạo và Thuyết Âm Dương Ngũ hành. Đến nay cả 2 thuyết cổ của người Việt đều đã thất truyền trong các thư tịch, nhưng trong thực tế chúng vẫn đang là những mạch ngầm tư duy chi phối đời sống tinh thần của các thế hệ người Việt. Sức sống của 2 thuyết đó trong xã hội Việt rất mạnh mẽ, nhờ đó người Việt bảo tồn được nền văn minh truyền thống của mình. Trước các xâm lăng văn hóa, người Việt đã những không bị đồng hóa mà còn tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa Đông Tây bổ sung cho văn hóa của mình thêm phong phú.

Đến nay, nội dung 2 thuyết Việt bản địa đã bị che khuất bởi 2 thuyết Hoa cùng tên. Những nội dung được viết trong Kinh Dịch đều chứa đựng thế giới quan của văn hóa Hoa, khác hẳn so với các thuyết Việt cổ chúng ta vừa tìm hiểu. Rất có khả năng Kinh Dịch là bộ sách giải thích những khái niệm trong các thuyết Việt cổ theo thế giới quan của người Hoa.

Kinh dịch thì thiên kinh vạn quyển do các học giả kinh điển trình bày nên có vẻ sang trọng, tạo được niềm tin cho người đọc, trong lúc nội dung các thuyết Việt bản địa thì đã bị thất truyền, chỉ còn phảng phất mơ hồ trong tiềm thức dân tộc khiến người ta nghi nghi hoặc hoặc.

Dù sao, chúng tôi cũng hy vọng những tìm hiểu trên đây mặc dù chưa hoàn chỉnh nhưng sẽ gợi mở một hướng nghiên cứu mới trên con đường tìm lại cội nguồn dân tộc./.

Lê Quế

Hoàn thành tại Đà Nẵng ngày 24-12-2019

Nguồn: <https://nghiencuulichsu.com/2019/12/24/tim-ve-coi-nguon-van-minh-viet/>

www.vietnamvanhien.org

